

Bản án số: **31/2020/HNGĐ- ST**

Ngày: 30-6-2020

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D-nđ, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Minh L-bđ, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp 10H, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29-7-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D-nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh L-bđ được mai mối và gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới vào ngày 02-10-2009al. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện An Minh vào ngày 24/11/2011. Vợ chồng sống chung đầm ấm khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là do anh L-bđ hay nhậu về dẫn đến vợ chồng cự cãi, có lúc anh L-bđ đánh chị. Vợ, chồng ly thân vào tháng 9 năm 2018 al.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Đỗ Thành N-lq1, sinh ngày

09/10/2010 và Đỗ Thị Hồng N-lq2, sinh ngày 06/4/2013. Hiện hai cháu đang sống bên anh L-bđ, do cha mẹ anh L-bđ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N-lq1 đã thể hiện nguyện vọng tiếp tục sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Về tài sản, nợ: không tranh chấp.

Chị D-nđ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L-bđ; về con chung chị D-nđ đồng ý giao bên anh L-bđ nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Minh L-bđ vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 06-12-2020, chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị D-nđ ly hôn với anh L-bđ; về các con giao cho chị D-nđ trực tiếp nuôi dưỡng, anh L-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L-bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L-bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L-bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị D-nđ và anh L-bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-11-2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị D-nđ và anh L-bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp dẫn đến có lúc cự cãi và đánh nhau; anh chị ly thân từ tháng 9 năm 2018a. Trong thời gian ly thân anh, chị chưa có những thay đổi, biện pháp tốt để đoàn tụ. Đồng thời khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị D-nđ thì anh L-bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh L-bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh L-bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh L-bđ và chị D-nđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị D-nđ được ly hôn với anh L-bđ.

[4] Về con chung, chị D-nđ và anh L-bđ có 02 con chung tên Đỗ Thành N-lq1, sinh ngày 09/10/2010 và Đỗ Thị Hồng N-lq2, sinh ngày 06/4/2013. Hiện hai cháu đang sống bên anh L-bđ, do cha mẹ anh L-bđ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N-lq1 đã thể hiện nguyện vọng tiếp tục sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Chị D-nđ có nguyện vọng giao con cho bên anh L-bđ nuôi, anh L-bđ không nêu ý kiến gì. Thấy rằng, ý kiến của chị D-nđ là phù hợp nên chấp nhận giao 02 con chung cho anh L-bđ tiếp tục nuôi dưỡng, chị D-nđ không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị D-nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị D-nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D-nd và anh Đỗ Minh L-bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên là Đỗ Thành N-lq1, sinh ngày 09/10/2010 và Đỗ Thị Hồng N-lq2, sinh ngày 06/4/2013. Hiện hai cháu đang sống bên anh L-bđ, cho anh L-bđ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị D-nd không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nguyễn Thị Mỹ D-nd chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0007560 ngày 06-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị D-nd đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị D-nd có mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-6-2020).

Anh L-bđ vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐH, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công